

Số: 169/2019/QĐST-HNGĐ

Củ Chi, ngày 04 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 118 đường Hồ Bò, ấp Ph, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Trung Tr, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 1230 Tỉnh lộ 7, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 2016. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tr là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, bà N và ông Tr nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông Tr đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà N và ông Tr.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr có 01 con chung tên Lê Trương Quốc K, sinh ngày 19/4/2015. Bà N và ông Tr thỏa thuận giao cháu Quốc K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc K là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu Quốc K tròn 18 tuổi. Xét thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà N và ông Tr là tự nguyện, không trái quy định pháp luật do đó Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr xác định không có tài sản chung, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr xác định không có nợ chung, do đó Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, cụ thể bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016 ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trương Quốc K, sinh ngày 19/4/2015 cho bà Trương Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Trung Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc K là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu Quốc K tròn 18 tuổi.

Ông Tr được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N, nếu ông Tr không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Tr còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, cụ thể Bà Trương Thị Mỹ N và ông Lê Trung Tr mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền bà N và ông Tr đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2017/0033493 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Ph, huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Định